TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2023/HN-ST
Ngày: 22-12-2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Chí Thành

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 363/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023, về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 461/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị H, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21/9/2023, trong quá trình tố tụng, chị Lê Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Lý do: Chị và anh Nguyễn Văn D do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2017. Thời gian đầu có hạnh phúc, cuộc sống hòa thuận. Nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau. Chị và anh D không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay, không có gặp nhau để hàn gắn. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê D, sinh ngày 13/4/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt, không lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H; Con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê D, sinh ngày 13/4/2017. Khi ly hôn, để chị H trực tiếp nuôi con, ghi nhận chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, anh D vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lê Thị H, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*; Trong đó xác định chị Lê Thị H là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn D là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Lê Thị H có đơn xin vắng, có lý do; anh Nguyễn Văn D tại phiên tòa (vắng mặt lần thứ 2, không có đơn xin vắng), Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H, thấy rằng:

Chị H yêu cầu xin ly hôn với anh D. Anh D vắng mặt, không lời trình bày.

Khi thực hiện xác minh, mẹ ruột của anh D cho biết thông tin: Hôn nhân của anh D và chị H có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn. Anh D không có đi làm, không rõ thu nhập hiện nay. Ngày thường chị H sống ở ấp P, xã A, đến thứ 7, chủ nhật thì anh D mới rước về. Bà không nghe các con cãi vả nên không rõ mâu thuẫn vợ chồng. Do các con tự quyết định. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê D đang ở chung với chị H, nếu ly hôn để chị H nuôi con cũng đảm bảo cho con phát triển tốt. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng, từ việc bất đồng quan điểm, cãi vả nhau. Vợ chồng cũng đã có thời gian không sống chung. Nay chị H kiên quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng anh D vắng mặt không đến Tòa nên không thể tiến hành hòa giải cho anh chị hàn gắn, đoàn tụ được. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Nguyễn Lê D, sinh ngày 13/4/2017. Khi ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi con. Thấy rằng con đang sống chung với mẹ, đã quen với cuộc sống bên mẹ, đã ổn định chỗ ở và việc học hành. Do đó, để chị H trực tiếp nuôi con khi ly hôn là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị H trình bày không có, anh Nguyễn Văn D vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị H trình bày không có, anh Nguyễn Văn D vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị H chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Nguyễn Lê D, sinh ngày 13/4/2017. Khi ly hôn, chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Lê Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp

nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị H trình bày không có, anh Nguyễn Văn D vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị H trình bày không có, anh Nguyễn Văn D vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Lê Thị H phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001188 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng